

Bản án số: 15/2026/LĐ-ST
Ngày 22-6-2026
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.
Ông Trần Dân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2026/TLST – LĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1002/2026/QĐXXST-LĐ ngày 03/6/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị Thúy N**, Sinh năm 1988; địa chỉ: **Số E đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng**. **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông **Hồ Văn Ú**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Số A đường T, tổ D phường H, thành phố Đà Nẵng**. Ông **Ú** có mặt

- **Bị đơn:** **Công ty TNHH M** (tên cũ là **Công ty TNHH Đ1**); Trụ sở: **Lô A, Khu công nghiệp H, phường L, thành phố Đà Nẵng**. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Ikedo K** – Chức vụ: Chủ tịch công ty. **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà **Lê Phan Thùy A**, sinh năm: 1968 và bà **Phạm Thị Thúy A1**, sinh năm: 1988; Cùng địa chỉ: **P, tầng B, nhà A T, phường G, thành phố Hà Nội**. (Giấy uỷ quyền số ngày 10/6/2026). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Tổ G, thôn A, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt

+ **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; Trụ sở: **Số D đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng**. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Nguyễn Trí Đ** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị T**; chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia (Văn bản ủy quyền số: 806/BHXXH-QLT-PTNTG ngày 25/3/2026). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà **Đặng Thị Thúy N** là ông **Hồ Văn Ú** trình bày:** Tháng 12/2009 đến tháng 3/2024, bà **Đặng Thị Thúy N** làm việc tại công ty Đ2 và có đóng bảo hiểm theo mã số bảo hiểm 4810002705. Vào năm 2010, bà **Đặng Thị Thúy N** có cho bà **Đỗ Thị B** mượn CMND mà không biết sử dụng vào mục đích gì. Đến khi bà **Đặng Thị Thúy N** thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì được báo trùng tên với khoản bảo hiểm xã hội khác. Về nguyên nhân sự việc nêu trên, theo bà **Đặng Thị Thúy N** xác định là do bà **Đỗ Thị B** chưa đủ 18 tuổi nên đã dùng CMND của bà ký hợp đồng lao động với công ty TNHH Đ1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến 02/2011 với mã số bảo hiểm là 4810016891. Do đó, Bà **Đặng Thị Thúy N** yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) và bà **Đặng Thị Thúy N** là vô hiệu.

*** Tại văn bản trả lời ngày 10/6/2026, bị đơn Công ty TNHH M trình bày:** Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) có giao kết hợp đồng lao động với người lao động mang tên **Đặng Thị Thúy N**. Người lao động chính thức làm việc tại công ty từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011. Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà **Đặng Thị Thúy N** từ tháng 02/2011, tính đến nay đã hơn 15 năm nên hiện tại công ty không còn lưu giữ hợp đồng lao động hay bất cứ tài liệu, văn bản nào thể hiện mối quan hệ lao động giữa công ty TNHH Đ1 và bà **Đặng Thị Thúy N**. Đến nay, khi tiếp nhận thông tin vụ án mới biết người lao động trực tiếp tại công ty TNHH Đ1 từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 là bà **Đỗ Thị B**. Theo lời khai của bà **B** trong hồ sơ vụ án thể hiện do tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động bà chưa đủ 18 tuổi nên có mượn CMND của nguyên đơn để cung cấp cho công ty TNHH Đ1. Như vậy, các thông tin mà bà **Đỗ Thị B** cung cấp khi giao kết với công ty là không trung thực và không chính xác. Về phía công ty do tin tưởng thông tin do người lao động cung cấp nên mới xác lập hồ sơ lao động mang tên bà **Đặng Thị Thúy N** và thực hiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số 4810016891 được cấp bởi Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng. Mặc dù sai đối tượng trong hợp đồng lao động là không chính xác nhưng công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với cơ quan nhà nước cũng như người lao động trong hợp đồng. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty không có ý kiến phản đối gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

*** Tại Công văn số: 806/BHXXH-QLT-PTNTG ngày 25/3/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng trình bày:** Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà **Đặng Thị Thúy N**, sinh ngày 10/10/1988, có 03 sổ sổ BHXH:

- Sổ BHXH 0407020649 có quá trình tham gia BHXH tại công ty cổ phần V từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 đã giải quyết hưởng BHXH một lần theo Quyết định số 55 ngày 21/10/2010 của BHXH thành phố Đ.

- Sổ BHXH 4810016891 có trình tham gia BHXH tại công ty TNHH Đ1 từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011.

- Sổ BHXH 4810002705 có trình tham gia BHXH tại công ty TNHH Đ2 từ tháng 12/2009 đến tháng 03/2024 đã giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 9179 ngày 17/6/2024.

*** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B trình bày:** Vào năm 2010, tôi và bà Đặng Thị Thúy N là hàng xóm láng giềng và tại thời điểm này tôi chưa đủ 18 tuổi có mượn CMND của bà N để ký hợp đồng lao động với công ty Đ1. Trong thời gian trên, công ty Đ1 có đóng bảo hiểm xã hội cho tôi nhưng người được bảo hiểm đứng tên bà N. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa công ty Đ1 và bà N vô hiệu thì tôi đồng ý. Vì người thực tế làm việc tại công ty Đ1 tại thời điểm đó là tôi chứ không phải bà N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 117, 122, 127 Bộ luật Dân sự, Điều 9, 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 49, 50, 51, 188, 220 của Bộ luật Lao động năm 2019 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy N. Tuyên bố hợp đồng lao động xác lập từ tháng 05/2010 đến 02/2011 giữa bà Đặng Thị Thúy N với Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy N với Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng những đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy N thì thấy: Tại Sổ BHXH 4810016891 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ thể hiện bà Đặng Thị Thúy

N có quá trình tham gia BHXH tại công ty TNHH Đ1 từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011. Bà N xác định bà và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) không xác lập quan hệ lao động nên đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà và công ty là vô hiệu. HĐXX thấy rằng: Năm 2010, bà Đặng Thị Thúy N có cho bà Đỗ Thị B mượn chứng minh nhân dân. Bà B thừa nhận dùng giấy tờ này cung cấp cho Công ty TNHH Đ1 để tham gia quan hệ lao động từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011. Công ty TNHH Đ1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động dưới tên bà Đặng Thị Thúy N nên tại Sổ BHXH 4810016891 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có thông tin xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm. Mặc dù, Công ty TNHH M không cung cấp được hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Thúy N. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B và tài liệu chứng cứ do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp có đủ cơ sở để xác định: Từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011, người lao động làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH Đ1 là bà Đỗ Thị B chứ không phải bà Đỗ Thị Thúy N1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 117, 122, 127 Bộ luật Dân sự, Điều 49 50 Bộ luật Lao động nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy N không yêu cầu xử lý hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng Xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 122, 127 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 49, 50, 51, 188, 220 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thúy N.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Đặng Thị Thúy N và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 là vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH M phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Đặng Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007893 ngày 30/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Phạm Phú Đạt